

Số: 122 /BC-VWTC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát.

- + Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700647458 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/4/2007; Sửa đổi lần 4 ngày 23/01/2019.
- + Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng.
- + Địa chỉ: 108 Lê Thánh Tông, Hạ Long, Quảng Ninh.
- + Điện thoại: 0203 3518069 Fax: 0203 3518059
- + Website: vantaithuytkv.vn
- + Email: vantaithuytkv@vnn.vn
- + Mã cổ phiếu: WTC

*** Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Cổ phần Vận tải thủy – TKV (nay là Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN) được thành lập từ ngày 24/4/2007.
- Tháng 12 năm 2009, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty đại chúng.

-- Tình hình hoạt động :

+ Năm 2007: Sau khi thành lập, Công ty nhanh chóng ổn định tổ chức và khẩn trương triển khai các hoạt động kinh doanh. Khi mới thành lập, chưa có phương tiện vận tải nhưng Công ty đã chủ động, tích cực thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.

+ Năm 2008: Công ty đã đưa vào khai thác 1 đoàn Sà lan TKV 01 trọng tải 1600 tấn và tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.

+ Năm 2009: Công ty đã đưa 1 tàu vận tải biển VINACOMIN 01 trọng tải 3000DWT, cấp hạn chế 2 và 1 đoàn Sà lan TKV 03 trọng tải 1600 tấn vào hoạt động. Công ty vẫn tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

+ Năm 2010: Công ty đưa 2 tàu VINACOMIN 02; VINACOMIN 03 trọng tải 3000DWT và 1 tàu VINACOMIN Hà Nội, trọng tải 7000DWT vào khai thác. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

+ Năm 2011: Công ty đưa 1 tàu VINACOMIN Hạ Long trọng tải 7000DWT vào hoạt động. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

+ Năm 2012: Công ty có tổng số 2 tàu 7000DWT, 3 tàu 3000 DWT, 2 đoàn sà lan đang khai thác. Tổng trọng tải là 26.600 Tấn phương tiện. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

+ Năm 2013: Do sự cố đâm va, tàu VINACOMIN 03 trọng tải 3000 DWT của công ty bị tổn thất chìm. Tổng số phương tiện khai thác trong năm là 2 tàu 7000 DWT, 2 tàu 3000 DWT và 2 đoàn sà lan. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

+ Năm 2014: Công ty tổ chức thuê 01 tàu Vinacomin 05 của Tập đoàn trọng tải 3000 DWT nên tổng số tàu năm 2014 của Công ty gồm: 2 tàu 7000 DWT; 3 tàu 3000 DWT; 2 đoàn sà lan trọng tải 1800 tấn. Tổng trọng tải khai thác là 26.600 tấn, Công ty tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài tham gia hoạt động.

+ Năm 2015:

+ Từ tháng 01/2015: Công ty đã thuê tàu Vinacomin Cẩm Phả, trọng tải 8800 DWT của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam để khai thác.

+ Tháng 3/2015: Công ty đã chuyển nhượng 2 tàu 7000 DWT cho Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và sau đó thuê lại của Tập đoàn để khai thác.

+ Năm 2016: Từ ngày 01/01/2016 Công ty thuê thêm 2 tàu VINACOMIN 06 và VINACOMIN 07 của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam để khai thác.

+ Năm 2017: Đội tàu biển của Công ty không thay đổi so với năm 2016.

+ Năm 2018: Đội tàu biển của Công ty không thay đổi so với năm 2017.

+ Năm 2019: Đội tàu biển của Công ty không thay đổi so với năm 2018, tuy nhiên Sà lan của Công ty đã bán 02 đoàn TKV 01; TKV 03.

+ Năm 2020: Công ty đã bán tàu Vinacomin 01 và Vinacomin 02 trọng tải 3000 DWT và mua tàu Vinacomin Ocean đã qua sử dụng trọng tải 30.000 tấn.

Như vậy năm 2020 tổng số tàu của Công ty gồm: 01 tàu VINACOMIN Cẩm Phả, trọng tải 8800 DWT; 02 tàu VINACOMIN Hà Nội, VINACOMIN Hạ Long trọng tải 7000 DWT; 01 tàu Vinacomin Ocean trọng tải 30.000 tấn; 03 tàu VINACOMIN 05, 06, 07 trọng tải 3000 DWT; Tổng trọng tải khai thác là 61.800 tấn. Công ty tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài tham gia hoạt động.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

0510	Khai thác và thu gom than cứng
0520	Khai thác và thu gom than non
0610	Khai thác dầu thô
0710	Khai thác quặng sắt
0620	Khai thác khí đốt tự nhiên
0892	Khai thác và thu gom than bùn
0893	Khai thác muối
0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
0910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
2910	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
2920	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc
2930	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
3319	Sửa chữa thiết bị khác
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4541	Bán mô tô, xe máy
4542	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
4543	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4940	Vận tải đường ống
5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa
5022 (Chính)	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
5223	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
5224	Bốc xếp hàng hóa

5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Giám đốc.
 - Bộ máy quản lý: Giám đốc – Phó Giám đốc – Kế toán trưởng

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải bằng đường biển. Do vậy mục tiêu chủ yếu của Công ty là phát triển đội tàu biển đảm bảo đáp ứng 30% nhu cầu vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đi các tuyến Quốc tế và nội địa. Đồng thời, Công ty còn hướng tới việc mở rộng các hoạt động vận tải cho các đối tác bên ngoài và hoạt động kinh doanh thương mại.

+ Công ty hoạt động chế biến kinh doanh than: Công ty mua than nhập khẩu về chế biến và bán lại cho TKV để cung cấp cho các hộ xi măng, nhiệt điện trong nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển đội tàu biển đủ mạnh, làm nòng cốt để thực hiện vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá bằng đường biển của nền kinh tế quốc dân.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Sự trì trệ của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước, thị trường vận tải chưa có dấu hiệu khởi sắc.

- Sự biến động giá cả các nguyên liệu và dịch vụ đầu vào chủ yếu như xăng dầu, vật tư, nhân công sửa chữa thay thế ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
I	Tổng Sản lượng	Tấn	6.900.000	7.260.453	105,22
	1. Sản lượng vận tải và thuê tàu	Tấn	3.240.000	3.379.913	104,32
	- Vận tải biển	Tấn	992.500	1.042.050	104,99

	- Thuê tàu vận tải than	Tấn	2.247.500	2.337.863	104,02
	2. Sản lượng kinh doanh than	Tấn	3.660.000	3.880.540	106,03
	- Than chế biến	Tấn	2.920.000	3.126.467	107,07
	- Than tự doanh	Tấn	740.000	754.073	101,90
II	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	6.668.000	7.011.261	105,15
	Doanh thu vận tải và thuê tàu	Tr.đồng	468.000	476.126	101,74
	Doanh thu kinh doanh than	Tr.đồng	6.200.000	6.535.134	105,41
III	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	460.800	463.395	100,56
	GTSX vận tải và thuê tàu	Tr.đồng	160.800	164.534	102,32
	GTSX kinh doanh than	Tr.đồng	300.000	298.861	99,62
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.000	117.028	130,03
	Lợi nhuận vận tải và thuê tàu	Tr.đồng	0	6.134	
	Lợi nhuận kinh doanh than	Tr.đồng	90.000	110.894	123,22
V	Lao động bình quân	Người	255	251	98,43
VI	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/ th	12.500.000	12.950.000	103,60

2. Tổ chức và nhân sự: Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ		Trình độ		Ghi chú
					Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Chuyên môn	Chính trị	
1	Vũ Văn Tâm	08/4/1962	Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng	Phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Giám đốc	16/4/2009	- Kỹ sư điều khiển tàu biển (chính quy) - Kỹ sư quản trị doanh nghiệp	Cao cấp Lý luận Chính trị	
2	Phạm Thế Trọng Toàn	12/11/1977	Thượng Hiền, Kiến Xương, Thái Bình	Tổ 6 khu 6 Yết Kiêu Hạ Long Quảng Ninh	Phó Giám đốc	01/12/2016	- Kỹ sư điều khiển tàu biển. - Thạc sỹ bảo đảm hàng hải	Sơ cấp lý luận chính trị	
3	Trần Thị Thu Hiền	30/5/1971	Bình Nguyên, Kiến Xương, Thái Bình	Tổ 3, khu 1b Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Phó Giám đốc	01/4/2019	Cử nhân Quản trị tài chính, kế toán	Sơ cấp lý luận chính trị	

4	Chi tiêu về khả năng sinh lời			
	-Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,02	0,01	
	-Hệ số LNST/ Vốn CSH	0,94	0,47	
	-Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,15	0,1	
	- Hệ số LN từ HĐKD/D thu thuần	0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 10.000.000 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do:
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:
- Thị trường giao dịch: UPCOM

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Công ty TNHH vận tải Việt Thuận sở hữu: 6.950.221 cổ phần, chiếm 69,50%.

- Cổ đông cá nhân: 3.049.779 cổ phần, chiếm 30,50%.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Công ty TNHH vận tải Việt Thuận mua lại cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại Công ty từ cuối năm 2018.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020:

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
I	Tổng Sản lượng	Tấn	6.900.000	7.260.453	105,22
	1. Sản lượng vận tải và thuê tàu	Tấn	3.240.000	3.379.913	104,32
	- Vận tải biển	Tấn	992.500	1.042.050	104,99
	- Thuê tàu vận tải than	Tấn	2.247.500	2.337.863	104,02
	2. Sản lượng kinh doanh than	Tấn	3.660.000	3.880.540	106,03

	- Than chế biến	Tấn	2.920.000	3.126.467	107,07
	- Than tự doanh	Tấn	740.000	754.073	101,90
II	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	6.668.000	7.011.261	105,15
	Doanh thu vận tải và thuê tàu	Tr.đồng	468.000	476.126	101,74
	Doanh thu kinh doanh than	Tr.đồng	6.200.000	6.535.134	105,41
III	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	460.800	463.395	100,56
	GTSX vận tải và thuê tàu	Tr.đồng	160.800	164.534	102,32
	GTSX kinh doanh than	Tr.đồng	300.000	298.861	99,62
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.000	117.028	130,03
	Lợi nhuận vận tải và thuê tàu	Tr.đồng	0	6.134	
	Lợi nhuận kinh doanh than	Tr.đồng	90.000	110.894	123,22
V	Lao động bình quân	Người	255	251	98,43
VI	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/ th	12.500.000	12.950.000	103,60

Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện sản xuất năm 2020:

* *Thuận lợi:*

- Công ty đảm nhận vận chuyển một phần tương đối lớn khối lượng than cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, các nhà máy xi măng Nghi Sơn (khối tàu trọng tải 3000 DWT).

- Công ty bố trí chuyên tuyến đội tàu 7000 DWT chạy tôn, sắt từ Sơn Dương Hà Tĩnh đi TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và ngược lại.

- Sự hợp tác và tạo điều kiện của TKV và các đơn vị trong và ngoài TKV.

- Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, đồng lòng chia sẻ, gắn bó với Công ty cùng nhau phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

* *Khó khăn:*

- Các Nhà máy nhiệt điện giảm sản lượng mua than Quý III làm cho sản lượng vận chuyển tàu biển giảm mạnh.

- Giá thuê tàu của TKV vẫn còn cao, tàu 7000 – 8000 DWT không phù hợp với nhu cầu của tàu vận tải vào các cảng bốc, dỡ hàng.

- Giá cước tàu vận chuyển giảm rất nhiều so với kế hoạch đầu năm.

2. Báo cáo tình hình tài chính 2020:

- Tình hình tài sản:



- + Tài sản của Công ty đến 31/12/ 2019 là **653.351** triệu đồng.
- + Tài sản Công ty đến 31/12/ 2020 là **961.054** triệu đồng.
- + Tài sản Công ty 2020 so với 2019 là tăng **307.703** triệu đồng.

- Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS): 1,3%; Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu (ROE): 47%, Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 9,7%; Hệ số khả năng thanh toán: 1,16 lần.

- Phân tích những biến động những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty đã có lãi trước thuế được 117.028 triệu đồng.

- Giá trị tài sản theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2020: **961.054** triệu đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Trong năm 2020 không thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp. Hiện tại như sau :

+ Công ty TNHH vận tải Việt Thuận sở hữu: 6.950.221 cổ phần, chiếm 69,50%.

+ Cổ đông cá nhân: 3.049.779 cổ phần, chiếm 30,50%.

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: (Không có)

(Theo từng loại: trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi ...)

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (Không có)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Trong năm 2020 Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi tiêu, giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh như áp dụng giảm định mức nhiên liệu, vật tư, dầu nhớt

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Năm 2020 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các hợp đồng vận chuyển truyền thống cho Tập đoàn CN than – Khoáng sản Việt nam. Công ty sẽ chủ động hơn trong kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực vận tải bằng đường biển nội địa. Dự kiến trong năm nay và những năm tới một số nhà máy điện như Vĩnh Tân 1, Vĩnh tân 2, Vũng áng... tiêu thụ rất lớn lượng than của mỗi Nhà máy từ 3 đến 4 triệu tấn/năm. Vì vậy chiến lược phát triển trong tương lai của

Công ty là làm đầu mối vận tải than từ Quảng Ninh đi các thị trường nội địa và Quốc tế, vận tải hàng hóa hai chiều để tăng doanh thu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty tìm nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, vật tư, nhiên liệu, tăng cường công tác thị trường. Do vậy năm 2020 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, đặc biệt về doanh thu và lợi nhuận. Năm 2020 Công ty đã có lãi trước thuế được 117.028 triệu đồng.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị công ty gồm có 5 người.

- Ông Trịnh Trung Úy: Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

- Ông Vũ Văn Tâm Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

- Ông Phạm Thế Trọng Toàn: Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

- Bà Trần Thị Thu Hiền: Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

- Ông Trịnh Mạnh Hùng: Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 05 thành viên, với chức năng quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngay từ đầu năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã phân công các thành viên trong Hội đồng và tập trung sự lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất đã tạo ra sự ổn định đồng bộ trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng vận chuyển, kiểm soát chi phí trong sản xuất.

Hội đồng quản trị Công ty duy trì các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện được 25 cuộc họp, ban hành 25 Nghị quyết và một số các văn bản khác để thông qua

các nội dung thuộc Hội đồng quản trị công ty như chủ trương kế hoạch sản xuất kinh doanh; phương án tổ chức bộ máy sản xuất; Phương án trả lương

Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Ban Kiểm soát :

1.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

- Bà Phạm Thị Thu Hà: Trưởng BKS từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

- Bà Lê Thị Thanh Thủy: Ủy viên BKS từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

- Ông Nguyễn Trọng Đại: Ủy viên BKS 01/01/2020 đến 31/12/2020 (không thay đổi).

1.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty đã được qui định tại điều 123 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định:

Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN trong năm 2020 cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị chi phí, quản lý điều hành Công ty.

- Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Nghị quyết hội đồng quản trị. Quyết định, Quy chế, Quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.

- Thường xuyên kiểm soát các hoạt động của Công ty thông qua kế hoạch, chương trình công tác của ban, giám sát các hoạt động của Công ty thông qua nghị quyết các kỳ họp của HĐQT và quá trình triển khai thực hiện của Giám đốc điều hành, trong tất cả các lĩnh vực thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành đã được qui định trong Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính, các mặt quản lý khác của Công ty như: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, với Tập đoàn, thực hiện quyền và nghĩa vụ của các cổ đông mà Điều lệ Công ty đã quy định.

- Giám sát công tác điều hành và triển khai thực hiện của Ban Giám đốc thông qua việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty và Giám đốc Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt nam.

- Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập là Cty TNHH kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:

* Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị năm 2020: Tổng thù lao: **267.120.000** đồng, trong đó:

- Ông Trịnh Trung Úy: Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020: 58.800.000 đồng.

- Ông Vũ Văn Tâm Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020: 52.080.000 đồng.

- Ông Phạm Thế Trọng Toàn: Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020: 52.080.000 đồng.

- Bà Trần Thị Thu Hiền: Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020: 52.080.000 đồng.

- Ông Trịnh Mạnh Hùng: Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020: 52.080.000 đồng.

* Các lợi ích khác: Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí khác mà thành viên đó bỏ ra khi thực hiện chức trách và nhiệm vụ của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 2020:

* Thù lao của Ban kiểm soát: Tổng thù lao **86.400.000** đồng, trong đó:

- Bà Phạm Thị Thu Hà: Trưởng BKS từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 không có phụ cấp vì đã được trả vào lương hàng tháng.

- Bà Lê Thị Thanh Thủy: Ủy viên BKS từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 là 43.200.000 đồng.

- Ông Nguyễn Trọng Đại: Ủy viên BKS từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 là 43.200.000 đồng.

* Các lợi ích khác: Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Thù lao và các lợi ích khác Giám đốc điều hành:

Tổng tiền lương, tiền thưởng của Giám đốc điều hành năm 2020:

Ông Vũ Văn Tâm: **348.880.000** đồng.

Các lợi ích khác: Được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí hợp lý khác khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 5/5 thành viên HĐQT; 3/3 Ban kiểm soát; 2/3 thành viên Ban giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2020:

Ông Phạm Thế Trọng Toàn: 695.409 cổ phần; chiếm 6,95%.

Ông Trịnh Mạnh Hùng: 546.567 cổ phần; chiếm 5,46%.

Ông Vũ Văn Tâm: 8.400 cổ phần; chiếm 0,00084%

Bà Trần Thị Thu Hiền: 30.837 cổ phần; chiếm 0,0031%.

- Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2020: không có.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn của công ty của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

VI. Báo cáo tài chính 2020:

1. Kiểm toán độc lập.

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

- Ý kiến kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Nội dung chi tiết kèm theo).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC.



Vũ Văn Tâm